

BẢO HIỂM SỨC KHỎE – GOODHEALTH

PHẠM VI LÃNH THỔ		Việt Nam			
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM		SỐ TIỀN BẢO HIỂM			
A	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH	MỨC 1	MỨC 2	MỨC 3	MỨC 4
I	BẢO HIỂM TỬ VONG, THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN DO TAI NẠN	100,000,000	100,000,000	100,000,000	100,000,000
	<i>Phí BH</i>	<i>95,000</i>	<i>95,000</i>	<i>95,000</i>	<i>95,000</i>
II	BẢO HIỂM TỬ VONG, THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN DO BỆNH	100,000,000	100,000,000	100,000,000	100,000,000
	<i>Phí BH</i>	<i>190,000</i>	<i>190,000</i>	<i>190,000</i>	<i>190,000</i>
III	CHI PHÍ Y TẾ DO TAI NẠN	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000
	<i>Phí BH</i>	<i>380,000</i>	<i>380,000</i>	<i>380,000</i>	<i>380,000</i>
IV	BẢO HIỂM ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ, PHẪU THUẬT DO BỆNH (loại trừ bệnh hiểm nghèo)	40,000,000	60,000,000	80,000,000	100,000,000
1	Chi phí nằm viện				
	Quyền lợi bảo hiểm: - Tiền giường, tiền ăn theo tiêu chuẩn tại bệnh viện - Chi phí hành chính, chi phí máu, huyết tương - Thuốc và các dược phẩm sử dụng trong khi nằm viện - Băng, nẹp thông thường và bột - Chi phí xét nghiệm hoặc chẩn đoán - Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện	2,500,000/ ngày (tiền giường 1,500,000/ ngày)	4,000,000/ ngày (tiền giường 2,200,000/ ngày)	5,000,000/ ngày (tiền giường 3,000,000/ ngày)	6,000,000/ ngày (tiền giường 3,600,000/ ngày)

2	Chi phí phẫu thuật				
	Quyền lợi bảo hiểm: - Phẫu thuật do bệnh - Phẫu thuật liên quan đến cấy ghép nội tạng (không bao gồm chi phí mua bộ phận)	Theo thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm			
3	Các quyền lợi khác				
3.1.	Chi phí điều trị trước khi nhập viện/ngày (tối đa 30 ngày trước khi nhập viện/năm)	1,250,000	2,000,000	3,000,000	5,000,000
3.2.	Chi phí điều trị sau khi xuất viện/ngày (tối đa 30 ngày kể từ ngày xuất viện/năm)	1,250,000	2,000,000	3,000,000	5,000,000
3.3.	Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện/ngày (tối đa 15 ngày/năm).	1,250,000	2,000,000	3,000,000	5,000,000
3.4.	Trợ cấp nằm viện/ngày (tối đa 60 ngày/năm)	40,000	60,000	80,000	100,000
3.5.	Dịch vụ xe cứu thương trong lãnh thổ Việt nam, loại trừ bằng đường hàng không	Theo thực tế, tối đa không quá số tiền bảo hiểm			
3.6.	Chi phí mai táng	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000
	Phí BH	882,000	1,323,000	1,596,000	1,995,000
B	QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ	6,000,000	7,000,000	8,000,000	10,000,000
1	Chi phí điều trị ngoại trú				
1.1	Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sĩ, tiền chụp Xquang và làm các xét nghiệm theo chỉ định của bác sĩ. Trị liệu bức xạ, liệu pháp ánh sáng, vật lý trị liệu và các phương pháp điều trị tương tự (Tối đa 10 lần khám/năm)	1,200,000/ lần khám	1,400,000/ lần khám	1,600,000/ lần khám	2,000,000/ lần khám
1.2	Điều trị cấp cứu, điều trị trong ngày có phát sinh chi phí tiền giường	1,200,000/lần	1,400,000/lần	1,600,000/ lần	2,000,000/ lần

2	Chăm sóc răng/người/năm (lệ đồng bảo hiểm 30%)				
	- Khám và chuẩn đoán, Viêm lợi (nướu) - Chụp X-Quang - Hàn mới răng bằng chất liệu thông thường (amalgam, composite, fuji..) - Điều trị tủy - Nhổ răng bệnh lý (bao gồm tiểu phẫu) - Lấy cao răng (Cạo vôi răng), tối đa 200,000/năm	Chi phí thực tế, không quá 1,200,000/ năm	Chi phí thực tế, không quá 1,400,000/ năm	Chi phí thực tế, không quá 1,600,000/ năm	Chi phí thực tế, không quá 2,000,000/ năm
	<i>Phí BH ngoại trú</i>	<i>1,140,000</i>	<i>1,330,000</i>	<i>1,520,000</i>	<i>1,900,000</i>
	<i>Phí bảo hiểm răng</i>	<i>342,000</i>	<i>399,000</i>	<i>456,000</i>	<i>570,000</i>
C	TỔNG PHÍ BẢO HIỂM (Đã gồm hệ số tăng phí theo tuổi)				
	<i>Từ 01 - 06 tuổi</i>	<i>5,149,300</i>	<i>6,318,900</i>	<i>7,202,900</i>	<i>8,721,000</i>
	<i>Từ 07 - 18 tuổi</i>	<i>3,029,000</i>	<i>3,717,000</i>	<i>4,237,000</i>	<i>5,130,000</i>
	<i>Từ 19 - 45 tuổi</i>	<i>3,937,700</i>	<i>4,832,100</i>	<i>5,508,100</i>	<i>6,669,000</i>
	<i>Từ 46 - 55 tuổi</i>	<i>4,543,500</i>	<i>5,575,500</i>	<i>6,355,500</i>	<i>7,695,000</i>
	<i>Từ 56 - 65 tuổi</i>	<i>6,058,000</i>	<i>7,434,000</i>	<i>8,474,000</i>	<i>10,260,000</i>

Chính sách tái tục áp dụng với khách hàng:

Các chi phí bồi thường do ốm bệnh/tai nạn áp dụng chính sách tái tục sau:

- Khách hàng có Bồi thường dưới 300% được tái tục
- Bồi thường từ 0-60% : Tái tục theo phí chuẩn
- Bồi thường từ 61% - 100% : Tăng phí 10%
- Bồi thường từ 100% - 150% : Tăng phí 20%
- Bồi thường trên 150% : Tăng phí 30%